

**Phụ lục I: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM
PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ**
(kèm theo Công văn số 278/PC07-CTPC ngày 13/04/2021 của Phòng PC07)

附錄一：機構、組織、單位負責人履行消防與救護救難職責指南
(隨附 PC07 部門日期 2021/04/13 編號 278/PC07-CTPC 的公文)

**I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ**

機構、組織、單位負責人履行消防與救護救難職責指南

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (Nghị định số 136/2020/NĐ-CP), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (Nghị định số 83/2017/NĐ-CP) và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (Thông tư số 149/2020/TT-BCA), Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (Thông tư số 08/2018/TT-BCA) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

機構、組織、單位（單位）負責人的消防與救護救難職責獲規定於消防法第 5 條，詳細規定於政府日期 2020/11/24 編號 136/2020/NĐ-CP 規範消防法若干條款細則及執行措施的議定和消防法若干條款修改補充法（第 136/2020/NĐ-CP 號議定）、政府日期 2017/7/18 編號 83/2017/NĐ-CP 規範消防力量救護救難工作的議定（第 83/2017/NĐ-CP 號議定）、公安部日期 2020/12/31 編號 149/2020/TT-BCA 規範消防法若干條款實施細則及執行措施的通知和消防法若干條款修改補充法和政府日期 2020/11/24 編號 136/2020/NĐ-CP 規範消防法若干條款細則及執行措施的議定和消防法若干條款修改補充法（第 149/2020/TT-BCA 號通知）、公安部日期 2018/3/05 編號 08/2018/TT-BCA 規範日期 2017/7/18 編號 83/2017/NĐ-CP 關於規範消防力量救護救難工作的議定若干條款細則的通知（第 08/2018/TT-BCA 通知）以及其他相關法律文件。

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (người đứng đầu cơ sở)



trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

根據消防法的規定和機構、組織、單位的規模、運作性質、幹部和員工人數、負責人（單位負責人），直接落實或對轄下個人、單位分配履行消防與救護救難工作的職責、任務，具體如下：

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH; xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH (căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC; khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

組織宣導、普及消防與救護救難知識；建立全民參與消防與救護救難活動的運動（法律依據：消防法第5條第3款a點、第6條第2款，第83/2017/NĐ-CP號議定第7條第2款）。

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

制定年度計畫（參考 06 號表）和批准組織消防與救護救難法律、知識宣導、普及的經費。

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

宣導工作應由單位自辦或請公安部門、消防業務訓練指導服務機構進行。

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy, nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH; tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC, CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH... được trang bị tại cơ sở.

宣導的內容必須合乎單位的對象，以及火災爆炸的危險性質，並且集中於若干內容如下：消防與救護救難的法律規定；火災爆炸危險性質和特點，以及防範火災、爆炸、事故、意外的措施；消防與救護救難的內規；逃生、救援的常識和技能，使用單位內配備的消防與救護救難等工具、設備的技能。

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

透過以下形式組織全民參與消防與救護救難的運動活動：

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

開展全單位消防與救護救難競賽活動；

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC, phòng ngừa sự cố, tai nạn;



組織單位內各部門之間的競賽，包括確保消防安全和預防事故、意外的承諾；

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10), Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

組織活動響應全民消防日（10月4日），一年一度的勞動衛生安全行動月。

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

在單位文件和資料中更新全民消防與救護救難活動的宣導與開展結果。

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành (căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

建立、管理、保障基層及專業消防力量的運作條件（法律依據：第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 5 條第 2 款、第 31 條第 1 款、第 2 款及第 3 款）

2.1. Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành (tham khảo Mẫu số 02) và quy chế hoạt động (tham khảo Mẫu số 03) đối với cơ sở thuộc Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

發布第 136/2020/NĐ-CP 號議定附錄三所列單位的基層及專業消防隊成立決定書（參考 02 號表）和運作規制（參考 03 號表），第 136/2020/NĐ-CP 號議定附錄四所列單位的消防與救護救難規定文件及職責、任務分配文件（參考 04 號表）。注意：

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

必須建立基層消防隊的主體包括：工業區、加工出口區、高新技術區、面積 50 公頃以下的產業群聚；第 136/2020/NĐ-CP 號議定附錄三中規定的單位。

- Đối tượng phải thành lập Đội PCCC chuyên ngành, gồm: Các cơ sở được quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật PCCC và Điều 13 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

必須設立專業消防隊伍的主體包括：消防法第 44 條第 3 款和第 149/2020/TT-BCA 號通知第 13 條規定的單位。

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

不需要建立基層消防隊的主體包括：

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).



第 136/2020/NĐ-CP 號議定附錄四規定的單位（必須向該單位的工作人員分配消防與救護救難任務）。

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 31 條第 3 款 g 點規定的自動運轉變壓站。

- Việc phân công nhiệm vụ cho đội PCCC cơ sở, chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

基層和專業消防隊的任務分配，必須符合消防法第 45 條、第 83/2017/NĐ-CP 號議定第 27 條的規定以及單位內的消防與救護救難的要求。

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

基層及專業消防隊的安排與運作：

- Bố trí lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành phù hợp với số người làm việc tại cơ sở và phải bảo đảm tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lưu ý:

根據單位內的工作人數安排基層和專業消防力量，並必須確保第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 31 條第 3 款規定的最低人數。注：

+ Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có trên 100 người thường xuyên làm việc thì mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC cơ sở, chuyên ngành; biên chế của tổ tối thiểu 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng (việc thành lập tổ PCCC phải thể hiện rõ trong quyết định, quy chế hoạt động do người đứng đầu cơ sở ban hành).

如果一個單位有多個獨立的車間和部門，經常工作人數在 100 人以上，則每個部門或車間應有一個基層、專門消防組；消防組的編制至少為 05 人，其中包括 01 名組長（消防組的設立必須在單位負責人發佈的決定、運作規制中載明）。

+ Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì biên chế đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới.

單位配備機動消防器材的，基層和專業消防隊伍的人員配置必須保證根據機動消防工具的數量保持執勤人數。

- Đội viên đội PCCC, người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở: Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

消防組成員、被交付單位內消防任務的人：是在單位中連續工作的人員；符合勞動法規定的年齡和健康要求；具有消防與救護救難專業訓練證明等等。

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.

基層、專業消防隊以專職或非專職形式運作。

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH

滅火與救護救難常設組織

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

安排地點（站/室），保證足夠供人、消防與救護救難工具、器材值班和工作的最小面積。

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

具有用於執勤、接收火警、事故、意外信息的工具、設備，如：桌子、椅子、電話、對講機；相關個人和單位的電話簿；單位內的交通圖、消防水源、項目及技術路線圖；單位消防計畫和就難救護計畫等等。

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ: Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ số người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

安排 01 班值班人員人數必須確保以下任務的完成：直接接收和處理資訊；消防值班、救護救難值班；單位配備機動消防工具的，值班人數必須符合機動消防工具規定的人數。

Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

值班人數和工具的分配、交接班等事宜，都需要清楚地記錄在筆記本上。

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn đội viên của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành và người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong Quyết định).

定期檢查並健全基層、專業消防隊及負責單位內消防任務的人員，確保符合規定的數量（在決定書裡面記載）。

Quyết định, quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở và lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở.

基層、專業消防隊的決定和操作規程，應報直接管理該單位的公安機關備案，並在單位消防與救護救難活動追蹤管理資料中存檔。

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH (căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

頒布消防與救護救難內規和措施（法律依據：第 149/2020/TT-BCA 號通知第 5 條第 1 款、第 08/2018/TT-BCA 號通知第 5 條）

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

發佈消防與救護救難內規（參考 05 號表），內容必須符合以下要求：

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

規範與單位相適應的電力、火源、熱源、易燃易爆物品、生火、發熱設備和工具的管理和使用。

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 và TCVN 3890.

規範消防設備和工具的管理、保管和維護責任及使用規定，依據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知和 TCVN 3890。

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

根據消防法第 13 條規範被禁止的行為。

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

被禁止的行為，按照第 83/2017/NĐ-CP 號議定第 6 條執行。

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy..., căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

發生火災、爆炸時應採取的措施：火災警報、滅火等工作，按照消防法第 14 條執行。

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

發生事故、意外時的操作程序，按照第 83/2017/NĐ-CP 號議定第 13 條第 1 款執行。

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ (Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

救護救難設備、工具、用具的保管和使用（第 83/2017/NĐ-CP 號議定第 29 條）。

Lưu ý:

注意:

- Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.

消防與救護救難內規可以一份內規發佈或發佈成每一份內規。

- Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...) thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

如果一個單位有多個具有不同火災爆炸危險的區域或項目（停車場、購物中心、辦公室、工廠、倉庫等），則規定的內容必須適合每個項目或區域的特點（發布 01 份決定，隨附每個項目和區域的內規）。

- Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.

如果一個單位有多個機構和組織共同運作：單位負責人頒布並組織實施共同的消防和救護救難規定；單位內機構、組織的負責人負責執行單位內規，並發佈符合轄區的內規。

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

發布有關消防的指示圖；消防與救護救難禁止標誌、警示標誌、指示標誌，確符合第 149/2020/TT-BCA 號通知第 5 條第 2 款、第 3 款規定的內容。

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH:

組織實施消防與救護救難安全內規、指示圖、禁止標誌、警示標誌、指示標誌：

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

向單位幹部和員工宣導內規、規定。

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

張貼在顯眼的地方，供大家獲悉和遵守，包括：張貼在飯店客房和公寓（房間門）的消防說明；在道路和緊急出口的隱蔽或交叉位置；在生產、儲存、使用爆炸物品、汽油、石油、液化石油氣和易燃易爆化學品的場所，設置消防與救護救難的禁止標誌、警示標誌、指示標誌。

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.

決定書和內規文件均在單位消防與救護救難活動追蹤與管理資料中保存。

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH (Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

組織實施、檢查和監督消防與救護救難規定的遵守情況（法律依據：消防法第45條，第136/NĐ-CP號議定第16條第3款，第83/2017/NĐ-CP號議定第12條第1款，第149/2020/TT-BCA號通知第8條）。

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

對所管轄的單位發佈消防與救護救難定期安全檢查計劃或規定（參考 06 號表）。其中，需要根據單位內的特點，明確規定消防時常檢查、救護救難定期和不定期檢查的時間、形式和內容，分配予單位、個人執行的職責和任務，違規行為的制裁，獎勵、紀律等。

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

被分配任務的人有責任根據經批准的規定和計劃，組織檢查，即：

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra.

準備文件、材料和工具、設備，消防系統和設備試驗，以供檢查。

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

進行檢查第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 16 條第 2 款規定的消防安全條件，以及第 83/2018/NĐ-CP 號議定規定的事故、意外防範措施維持情況。

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra.

記錄檢查結果



EVERWIN
SERVICE GROUP
恒利服務集團

23 Ni Sur Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
熱線: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra... (tham khảo Mẫu số 07). Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

檢查結束時，進行結果綜合，評估優點及消防安全隱患、事故、意外，以記錄表或檢查記錄文件記錄檢查結果等（參考 07 號表）。其中，檢查結果要體現以下基本內容：

- Phạm vi được kiểm tra;

檢查範圍；

- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có), đề xuất các biện pháp thực hiện;

記錄和評估消防、事故、意外中存在的問題和不安全風險（如有），並提出實施措施；

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

其他相關內容（如有）。

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

檢查結束：被分工檢查的人必須向直屬單位領導、單位領導匯報檢查結果，讓其知悉，並指導改善缺陷和違規行為。

4.4. Định kỳ 06 tháng, xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC (tham khảo Mẫu số 08) đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định này và gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp, gồm các nội dung cơ bản sau:

根據本議定第 16 條第 3 款 b 點的規定，定期每六個月對第 136/2020/NĐ-CP 號議定附件三規定的單位制定消防安全檢查結果報告報送直屬公安部門，其含以下基本內容：

- Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH;

消防與救護救難安全條件維持的自行檢查結果；

- Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;

有權機關的要求和建議事項執行結果；

- Các nội dung khác (nếu có).

其他內容（如有）。



4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH.

檢查結果、檢查結果報告在消防與救護救難活動追蹤管理資料中保存。

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC

保障消防與救護救難活動的經費；消防工具配備和運作維持

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

預估並批准年度經費來源，以確保單位的消防活動，即：

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

配備、維修、修理及更換單位內受損的消防與救護救難的系統和設備。

5.2. Trang bị phương tiện PCCC cho Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

根據公安部 2020 年 12 月 31 日第 150/2020/TT-BCA 號通知的規定，為基層消防隊、專業消防隊配備消防工具。

5.3. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

根據第 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC 號聯合通知的規定，保障基層消防隊隊員的製度和政策。

5.4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

組織宣傳，造就全民參與消防與救護救難的運動；消防和救援行動訓練；制定消防計畫、救援計畫並組織演練；組織進行滅火、救援及其他與火災預防、救援有關的活動。

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

制定並實施消防與救護救難的方案（法律依據：第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 19 條第 1、2 和 4 款以及第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款；第 83/2017/NĐ-CP 議定第 9 條第 1 款、3 款和 4 款以及隨附的 04 號表）

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

制定、修訂和補充消防方案

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao...:

依照規定的形式和內容制定單位的消防方案，假設最複雜的情況和適合單位的典型情況，例如：地下室、高層、火災爆炸高風險區域、.....：

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

對於第 136/2020/NĐ-CP 號議定附件四規定的單位：建立和批准單位的消防方案（第 149/2020/TT-BCA 號通知第 9 條第 1 款）。

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng, duyệt phương án và lập hồ sơ đề nghị cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở phê duyệt (Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Công an cấp huyện).

對於第 136/2020/NĐ-CP 號議定附錄三規定的單位：組織制定、批准方案並準備文件，以請求直轄公安部門（消防與救護救難警察處或縣級公安部門）批准。

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định.

當火災、爆炸、毒性及與消防活動有關的條件發生規模、性質、特點的變化時，對方案進行補充和整理，並按規定履行方案的批准程序。

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

救護救難方案制定、整理和補充

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

根據規定的格式和內容，制定救護救難方案，假設單位內最複雜、最典型的事件和事故情況；組織審批該方案。

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

當可能發生的事件和事故的性質、特徵以及與救護救難活動有關的條件發生變化時，對方案進行補充和修改。

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:



宣導和組織方案實習：

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV (thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

(透過宣傳會、專業訓練.....) 向基層消防隊和幹部、員工宣導經批准的方案；

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

制定計劃（參考 06 號表），確保擁有經費及實習方案的條件。

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

舉辦方案實習：消防方案定期至少一年一次；救護救難方案至少每兩年一次；當地舉辦的政治、經濟、文化、社會等特殊活動，因確保消防安全要求而突然舉辦。

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

每次演練消防方案時，可以演練一種或多種不同的情況，但必須確保方案中的所有情況都依序演練。方案中的力量和工具被召集的，必須充分參與。

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

演練結束後，要總結經驗，並整理方案演習結果的報告（見 08 號表）。

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

方案的管理和使用：

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

單位的消防與救護救難方案、方案演習計劃、方案演習結果報告直接發至直轄公安部門。

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

方案、計劃、方案演習結果報告在單位內消防與救護救難活動追蹤管理資料中存檔。

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

被公安部門動員參與其他單位的消防與救護救難方案演練時，予以出席。

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

消防與救護救難業務訓練和培養 (法律依據：第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 33 條，第 83/2017/NĐ-CP 號議定第 11 條)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

制定計劃 (見 06 號表)，確保擁有經費為直屬對象舉辦消防與救護救難業務訓練培養的條件。注意：

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

關於消防：第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 33 條第 1 款規定的對象。

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

關於救護救難：基層和專業消防力量，以及被要求的其他對象 (第 83/2017/NĐ-CP 號議定第 11 條第 1 款)。

7.2. Đề nghị cơ quan Công an hoặc Cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện. Trong đó:

提請公安部門或經確認符合資格從事消防服務的消防業務訓練與指引單位舉辦訓練。其中：

- Trường hợp đề nghị cơ quan Công an huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị và gửi cơ quan Công an theo quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

如請公安部門訓練：按照第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 33 條第 5 款 b 點和第 8 款製作申請文件，並發給公安部門。

- Trường hợp đề nghị cơ sở huấn luyện: Lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và gửi cơ sở.

如請單位訓練，根據第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 33 條第 5 款 a 點的規定製作申請文件，並發給單位。

7.3. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.



當所管理的個人的消防與救護救難業務訓練證書被損壞、遺失時，單位或個人根據第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 33 條第 6 款、7 款和 8 款的規定製作證書重發、變更之申請文件。

7.4. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

更新、統計消防與救護救難業務訓練和培養工作（參考 01 號表）；業務訓練證書頒發決定書或業務訓練證書影本在單位內消防與救護救難活動追蹤管理資料中存檔。

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH

舉辦滅火和救護救難

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114; sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

當發生火災、爆炸、事件或事故時，發現者必須迅速通知周圍所有人和單位領導者滅火和救護救難，並撥打電話 114 通知消防警察部隊；利用現場工具和設備進行滅火與救護救難。

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

消防與救護救難指揮官：基層、專業消防隊隊長；單位負責人（消防與救護救難警察未到達時）有任務指揮單位消防力量執行以下工作：

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn. Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

指導火災、爆炸、事件、事故區域裡的人疏散到安全區域去。如有人受傷，優先救人，移至安全區去。

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

切斷電源並調配力量和工具進行滅火救援；

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

如果基層消防力量在消防警察抵達前已經完成滅火和救援，單位必須立即通知消防與救護救難警察。



8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm:

消防警察力量到達現場時，在單位內滅火的指揮官必須提供資訊，匯報情況及單位滅火救援的工作。屆時，單位力量有責任：

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

接到請求時，安排合適人員參與消防參謀委員會。

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

按照消防警察指揮官的分工安排，執行滅火與救援任務。

8.4. Báo cáo vụ cháy, n^o gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

整理滅火爆炸之報告，發給直屬公安部門或上級機構、組織（參考 08 號表）。

9. Thực hiện một số quy định khác

執行其他規定

9.1. Trách nhiệm PCCC trong đầu tư xây dựng

投資建設中的消防責任

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, khi thực hiện xây dựng mới hạng mục công trình; cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng hoặc tăng quy mô của cơ sở có ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phải thực hiện như sau:

單位運營過程中，當實行建設新的工程時或改造或變更使用性質或增加單位規模影響到第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 11 條規定的消防安全要求之一時，必須：

9.1.1. Đối với công trình theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

對於第 136/2020/NĐ-CP 號議定附錄五規定的工程。

- Lập hồ sơ thiết kế về PCCC và trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt theo quy định (khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

按照規定編制消防設計文件並報消防警察機構核準（第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 13 條第 4 款和第 6 款）。

- Tổ chức thi công, bảo đảm an toàn về PCCC đối với công trình xây dựng; tổ chức nghiệm thu về PCCC và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đến cơ quan Cảnh sát PCCC đã thẩm duyệt trước đó (khoản 2, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP).

組織施工，確保建築工程的消防安全；組織消防驗收，並將請求消防驗收的材料送交原批準的消防警察機關（第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 15 條第 2 款和第 4 款）。

9.1.2. Đối với công trình không thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Lập hồ sơ thiết kế về PCCC, tổ chức thẩm định, thi công và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

對於不屬於第 136/2020/NĐ-CP 號議定附錄五的工程：編制消防設計文件，按照規定組織鑒定、施工和消防驗收。

9.2. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

落實消防與救護救難的安全條件

9.2.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

在單位投入運作之前落實消防與救護救難的安全條件，並在整個運作過程中予以維護。其中：

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

屬於消防管理的機構必須具備第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 5 條第 1 款、第 2 款和第 83/2017/NĐ-CP 號議定規定的消防與救護救難安全條件。

- Cơ sở có phương tiện giao thông cơ giới thì các phương tiện phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

單位擁有機動車輛的，則車輛必須保持第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 8 條規定的條件。

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC phải duy trì các điều kiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

消防服務機構必須維持第 136/2020/NĐ-CP 號議定第 41 條規定的條件。

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

註：如果一個單位有多個機構和組織一起運營，則該機構或組織的負責人負責執行該單位的共同條件。在一個單位內運作的機構和組織必須確保其管理下的消防與救護救難的安全條件。

9.2.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần, nội dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

編制追蹤和管理單位消防與救護救難的文件，確保符合第 149/2020/TT-BCA 號通知第 4 條和第 08/2018/TT-BCA 號通知第 9 條規定的組成部分和內容，按照規定更新和補充文件。

9.3. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

根據 2021 年 2 月 5 日第 17/2021/TT-BCA 號通知（取代第 52/2014/TT-BCA 號通知）和越南標準 TCVN 3890 的規定，對消防與救護救難車輛進行定期保養。

9.4. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

定期進行接地和防雷電阻測量；按規定對承壓設備進行技術檢驗（功能單位依規定記錄結果或出具證明）。

9.5. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

向直轄公安部門發文通知變更和調整內容（參考 08 號表）。

~ 恒利翻譯，謹供參考 ~